

Số: 80/QĐ-UBND

Quảng Uyên, ngày 29 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Uyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN QUẢNG UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 4287 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Quảng Uyên khóa XX kỳ họp thứ 7 nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách thị trấn năm 2022;.

Xét đề nghị của công chức Tài chính - kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Uyên (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký..

Điều 3. Công chức Văn phòng – thống kê, công chức Tài chính - kế toán, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng Ủy thị trấn;
- HĐND thị trấn;
- MTTQ, ĐTN, HPN, HND, HCCB
- 11 Trường phổ, xóm
- Lưu: VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Viết Mao



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	7,184,755,441	TỔNG SỐ CHI	7,184,755,441
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	821,810,333	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	245,694,071	II. Chi thường xuyên	7,128,913,656
III. Thu bổ sung	5,571,409,252	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối	4,820,140,909		
- Bổ sung có mục tiêu	751,268,343		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	55,841,785
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	545,841,785		
Kết dư ngân sách			



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Biểu số 117/CK TC-NSNN

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	7,220,251,037	7,220,251,037	7,184,755,441	7,184,755,441	99,51	99,51
I	Các khoản thu 100%	149,600,000	149,600,000	108,076,210	108,076,210	72,24	72,24
I	Phí, lệ phí	149,600,000	149,600,000	67,900,000	67,900,000	45,39	45,39
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	-	-		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	-	-	-		
4	Thu phát, tích thu khác theo quy định	-	-	28,970,125	28,970,125		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			-	-		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-	-	-		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	-	-	-		
8	Thu khác			11,206,085	11,206,085		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1,753,400,000	1,753,400,000	959,428,194	959,428,194	54,72	54,72
I	Các khoản thu phân chia	134,500,000	134,500,000	245,694,071	245,694,071	182,67	182,67
1.1	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	14,500,000	14,500,000	43,219,364	43,219,364		
1.2	Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-	-	-	-		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	-	-	94,000,000	94,000,000		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà đất	120,000,000	120,000,000	108,474,707	108,474,707	90,40	90,40
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1,618,900,000	1,618,900,000	713,734,123	713,734,123	44,09	44,09
2.1	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	-	-	-	-		
2.3	Thuế tài nguyên	-	-	-	-		
2.4	Thuế GTGT	1,558,900,000	1,558,900,000	702,934,123	702,934,123	45,09	45,09

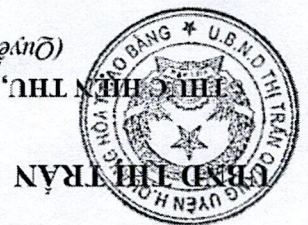
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	60,000,000	60,000,000	10,800,000	10,800,000	18.00
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-	-	-	
IV	Thu chuyển nguồn	545,841,785	545,841,785	545,841,785	545,841,785	100.00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	-	-	
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,771,409,252	4,771,409,252	5,571,409,252	5,571,409,252	116.77
	- Thu bổ sung cân đối	3,992,353,159	3,992,353,159	4,820,140,909	4,820,140,909	120.73
	- Thu bổ sung có mục tiêu	779,056,093	779,056,093	751,268,343	751,268,343	96.43



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				SO SÁNH Q/T/DT (%)	
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ	PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ	PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	
	TỔNG CHI	7,184,755,441	-	7,184,755,441	7,184,755,441	-	7,184,755,441	100.00		100.00	
	Trong đó										
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an	416,905,216		416,905,216	416,905,216		416,905,216	100.00		100.00	
2	Chi giáo dục	36,092,000		36,092,000	36,092,000		36,092,000	100.00		100.00	
3	Chi tmg dùng, chuyên giao công nghệ	-		-	-		-				
4	Chi y tế	105,134,400		105,134,400	105,134,400		105,134,400	100.00		100.00	
5	Chi văn hóa, thông tin	17,999,400		17,999,400	17,999,400		17,999,400	100.00		100.00	
6	Chi phát thanh, truyền thanh	-		-	-		-				
7	Chi thể dục thể thao	37,458,610		37,458,610	37,458,610		37,458,610	100.00		100.00	
8	Chi bảo vệ môi trường	9,708,200		9,708,200	9,708,200		9,708,200				
9	Chi các hoạt động kinh tế	538,201,527		538,201,527	538,201,527		538,201,527	100.00		100.00	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5,910,214,303		5,910,214,303	5,910,214,303		5,910,214,303	100.00		100.00	
11	Chi cho công tác xã hội	-		-	-		-	#DIV/0!	#DIV/0!		
12	Chi khác	-		-	-		-				
13	Dự phòng	57,200,000		57,200,000	57,200,000		57,200,000	100.00		100.00	
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-		-	-		-				
15	Nộp trả ngân sách cấp trên			55,841,785	55,841,785		55,841,785				



Biểu số 120/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH KHÁC NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhận dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG		KẾ HOẠCH NĂM 2022					THỰC HIỆN NĂM 2022	
		THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	
TỔNG SỐ		179,191,000	54,700,000	124,491,000	151,043,957	43,250,000	107,793,957	
1. Quỹ bảo trợ trẻ em		36,647,000	7,500,000	29,147,000	40,755,038	10,300,000	30,455,038	
2. Quỹ đền ơn đáp nghĩa		25,102,000	9,500,000	15,602,000	14,692,000	7,800,000	6,892,000	
3. Quỹ khuyến học		24,198,000	6,500,000	17,698,000	17,565,200	5,750,000	11,815,200	
4. Quỹ Vì người nghèo		52,898,000	25,600,000	27,298,000	44,540,719	15,000,000	29,540,719	
5. Quỹ hoạt động chữ thập đỏ		40,346,000	5,600,000	34,746,000	33,491,000	4,400,000	29,091,000	